TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **69**/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 143; khoản 2 Điều 146; Điều 149; Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 66/2026/TLST-HNGĐ ngày 14/01/2026, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Trần Khải S, sinh năm 1975;

2. Bà Thi Mỹ D, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: Số B T, phường C (Phường A, Quận E cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ông Trần Khải S và bà Thi Mỹ D thật sự tự nguyện ly hôn. Quá trình chung sống giữa ông Trần Khải S và bà Thi Mỹ D có 03 con chung trẻ Trần Vĩ D1, giới tính nam, sinh ngày 02/4/2009; trẻ Trần Tư H, giới tính nữ, sinh ngày 27/4/2011 và trẻ Trần Tư K, giới tính nữ, sinh ngày 27/4/2013. Ông Trần Khải S và bà Thi Mỹ D thống nhất giao 03 (Ba) con chung là trẻ Trần Vĩ D1, trẻ Trần Tư H và trẻ Trần Tư K cho mẹ là bà Thi Mỹ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trần Khải S không cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Trần Khải S và bà Thi Mỹ D cùng khai tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nhận thấy sự thỏa thuận nêu trên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 16 tháng 01 năm 2026), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Khải S và bà Thi Mỹ D thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 85/2001, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 15/10/2001 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa ông Trần Khải S và bà Thi Mỹ D (ngày 26 tháng 01 năm 2026).

- Về con chung: Ông Trần Khải S và bà Thi Mỹ D cùng thống nhất xác định có 03 con chung là trẻ Trần Vĩ D1, giới tính nam, sinh ngày 02/4/2009; trẻ Trần Tư H, giới tính nữ, sinh ngày 27/4/2011 và trẻ Trần Tư K, giới tính nữ, sinh ngày 27/4/2013. Ông Trần Khải S và bà Thi Mỹ D thống nhất giao 03 (ba) con chung là trẻ Trần Vĩ D1, trẻ Trần Tư H và trẻ Trần Tư K cho mẹ là bà Thi Mỹ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Trần Khải S do bà Thi Mỹ D chưa có yêu cầu và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Trần Khải S và bà Thi Mỹ D cùng khai đôi bên tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Ông Trần Khải S và bà Thi Mỹ D cùng khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí hôn nhân và gia đình:

Lệ phí thuận tình ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), ông Trần Khải S và bà Thi Mỹ D mỗi người chịu 150.000 đồng, được trừ vào số tiền ông Trần Khải S và bà Thi Mỹ D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004264 ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Khải S và bà Thi Mỹ D đã đóng đủ lệ phí.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND Phường 15, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh) (Giấy Chứng nhận kết hôn số 85/2001, quyển số 01 ngày 15/10/2001);
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, Hồ sơ việc dân sự.

TAND KHU VỰC 3

YJY260126.TL.QDBA
GB2

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Ngọc Bích